TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU S
TỈNH THANH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 24- 05 -2021
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: OOng Trần Đình Nam và ông Nguyễn Văn Chung
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2021/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc " Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa:
- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1962
- Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1962
Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Thọ S, huyện Triệu S, Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1984, cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 30/12/2002 thì đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Thọ S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng ông, bà đoàn tụ hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm, từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường xuyên đi làm ăn xa nhà, ông Q ở nhà có quan hệ nam nữ với người con gái khác, đến nay bà T không còn tin tưởng ông Q, đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào ngày 22/3/2021 ông Q đã đánh bà T, khiến bà phải nằm viện, ông Q không quan tâm, chăm sóc đến bà. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Q.
Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 04 người con chung với nhau gồm các anh, chị: Lê Thị L, sinh năm 1984; Lê Thị L1, sinh năm 1986; Lê Thị L2, sinh năm

1990 và Lê Văn L3, sinh năm 1992. Hiện nay các con của ông Q, bà T đều đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và phần nợ: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn Q trình bày việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn như bà T trình bày là hoàn toàn đúng. Vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà Thiệu đi xuất khẩu lao động từ năm 2003 đến năm 2020 mới về quê ở nhà cùng chồng con thì nghe người ngoài xúi giục nên ghen tuông với ông, không còn tin tưởng chồng, bất đồng về quan điểm sống, bất đồng đến việc làm ăn, chi tiêu liên quan đến kinh tế, tuy ông bà chung sống cùng một mái nhà, nhưng bà T không quan tâm đến ông Q, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vào ngày 22/3/2021 ông Q có đánh bà T ông thấy mình cũng sai. Nay ông Q xét thấy vẫn còn thương yêu bà T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau vui vẻ, chăm sóc nhau khi về già, nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông Q trình bày, vợ chồng ông, bà có 04 người con chung như bà T trình bày là đúng, hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng ổn định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Nếu phải ly hôn, ông bà tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Lê Văn Q chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1984 và đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002 tại UBND xã Thọ S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.
Xét mâu thuẫn vợ chồng ông, bà thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng ông, bà không tin tưởng lẫn nhau, hay ghen tuông nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai. Bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, ông Q không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình. Xét nguyện vọng của bà T, ông Q thì thấy, vợ chồng ông bà hiện nay không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T tha thiết được ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn , ông Q trình bày ông còn thương yêu bà T, nhưng lại không có biện pháp để gắn kết tình cảm vợ chồng để mặc cho rạn nứt. Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp. Căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 04 con chung với nhau gồm các anh, chị: Lê Thị L, sinh năm 1984; Lê Thị L1, sinh năm 1986; Lê Thị L2, sinh năm 1990 và Lê Văn L3, sinh năm 1992. Hiện nay các con của ông Q, bà T đều đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về tài sản: Vợ chồng ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[4]. Về án phí***:** Bà Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị T. Xử cho bà T được ly hôn ông Lê Văn Q.

Về con chung: Ông Qu, bà T có 04 người con chung, hiện nay các con chung của ông, bà đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản: Tài sản chung ông ,bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh H theo biên lai số AA/2016/0001327 ngày 9 tháng 4 năm 2021 nay trừ vào án phí ly hôn, bà Thiệu đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho bà T, ông Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu S*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thọ S*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy